

Số: /2025/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định diện tích đất được sử dụng để xây dựng công trình  
phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 45/TTr-STNMT ngày 10 tháng 02 năm 2025; ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định diện tích đất được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai.

2. Đối với đất nông nghiệp là đất trồng lúa và đất lâm nghiệp thì việc sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; pháp luật về lâm nghiệp (Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018, Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
2. Cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng đất nông nghiệp.

## **Điều 3. Điều kiện áp dụng**

1. Diện tích đất nông nghiệp được xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp bao gồm một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề của cùng một người sử dụng đất.
2. Thửa đất nông nghiệp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất hoặc đang sử dụng đất ổn định, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
3. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp là công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.
4. Công trình xây dựng trên đất nông nghiệp phải có cấu trúc phù hợp, dễ dàng tháo dỡ; chỉ được xây dựng 01 tầng và không được xây dựng tầng hầm.
5. Đất có mặt nước không được san lấp làm thay đổi dòng chảy, diện tích bề mặt nước, chiều sâu tầng nước.
6. Vị trí công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng tại một hoặc nhiều vị trí khác nhau trong khu vực đất nông nghiệp nhưng tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá hạn mức quy định tại Điều 4 của Quyết định này.
7. Việc xây dựng, cải tạo công trình phải phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 4. Diện tích đất được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp**

1. Diện tích khu đất từ 300m<sup>2</sup> đến dưới 500m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 10m<sup>2</sup>.
2. Diện tích khu đất từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 2.000m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 20m<sup>2</sup>.
3. Diện tích khu đất từ 2.000m<sup>2</sup> trở lên được sử dụng 1% (một phần trăm) diện tích đất để xây dựng công trình, nhưng không vượt quá 500m<sup>2</sup>.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện, có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Báo Cà Mau;
- Các phòng: NN-TN, XD, NC, TH;
- Lưu: VT. Q(02/02), Ktr168/02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Sử**